

Số: 673N2.18ĐG

Ngày: 17/01/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu giám định : Công ty TNHH Năng lượng QE Việt Nam
2. Địa chỉ: Tầng 19, khu văn phòng Indochina, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
3. Tên hàng hóa yêu cầu giám định theo khai báo : Phụ gia tiết kiệm nhiên liệu MXT9
4. Số lượng mẫu giám định : 01 mẫu
5. Mô tả mẫu giám định : Mẫu chứa trong chai nhựa dung tích 5ml/chai, trên chai có in nhãn hiệu MXT9, mẫu không được niêm phong. Mẫu do đại diện đơn vị yêu cầu giám định trực tiếp mang đến Trung tâm Kỹ thuật 3 vào ngày 18/12/2018.
6. Hình ảnh mẫu gửi giám định:



7. Nội dung yêu cầu giám định : Pha mẫu với nhiên liệu diesel (DO) theo tỷ lệ 1:20000, thử nghiệm và đánh giá chất lượng của nhiên liệu diesel (DO) trước và sau khi pha với mẫu theo quy định tại TCVN 5689 : 2013 – Nhiên liệu diesel (DO) – Yêu cầu kỹ thuật.
8. Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 673N2.18ĐG ngày 18/12/2018
9. Kết quả giám định :
 - Pha phụ gia với nhiên liệu diesel nền: Pha mẫu với nhiên liệu diesel theo tỷ lệ 1:20000. Nhiên liệu diesel gốc trước khi pha phụ gia có chất lượng phù hợp với nhiên liệu diesel DO 0,05S.
 - Đánh giá chất lượng nhiên liệu diesel sau khi pha phụ gia: Nhiên liệu diesel sau khi pha phụ gia có chất lượng phù hợp với nhiên liệu diesel DO 0,05S theo quy định TCVN 5689 : 2013. Chất lượng của nhiên liệu diesel trước và sau khi pha phụ gia không có sự thay đổi đáng kể.
 - Xem Kết quả thử nghiệm tại trang 2/2

Ghi chú :- Kết quả giám định nêu trên chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

-Không được trích/sao một phần Thông báo kết quả giám định này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Đoàn Trần Cương



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Văn Sùng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU

Mẫu đã được thử nghiệm tại phòng thử nghiệm của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 và có kết quả thử nghiệm như sau:

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử ASTM	Kết quả thử nghiệm	
			Nhiên liệu disel nền	Nhiên liệu disel sau khi pha phụ gia
1.	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	D 5453 – 16e1	78	78
2.	Chỉ số xêtan	D 4737-16	54,3	54,0
3.	Nhiệt độ cất 90% TT, °C	D 86 – 16a	357	356
4.	Điểm chớp cháy cốc kín, °C	D 93-16	74	75
5.	Độ nhớt động học ở 40 °C, cSt	D 445-15	3,721	3,720
6.	Điểm đông đặc, °C	D 97-16	+3	+3
7.	Hàm lượng nước, mg/kg	D 6304-16	67	60
8.	Cặn các bon của 10% cặn chung cất, % khối lượng	D 4530-15	< 0,1	< 0,1
9.	Hàm lượng tro, % khối lượng	D 482-13	< 0,002	< 0,002
10.	Tạp chất dạng hạt, mg/L	D 6217-11	1,4	2,2
11.	Ăn mòn mảnh đồng ở 50 °C/3h, loại	D 130-12	1a	1a
12.	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	D 4052-16	845,1	845,1
13.	Độ bôi trơn, µm	D 6079-11 (2016)	340	370
14.	Ngoại quan	D 4176-04 (2014)	Trong suốt, không phân lớp, không có tạp chất	